

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 13/12/2021 15:06 13/12

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục bốc hơi trên 0,5 tệ/kg, xuống còn quanh 16,6 tệ/kg, tương đương gần 60.000 đồng/kg, giảm trên dưới 50% so với đầu năm 2021 lẫn cùng kỳ năm 2020 do chịu áp lực từ nguồn cung tăng mạnh khi các công ty tăng lượng xuất bán trong tháng cuối năm. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo hôm nay biến động trái chiều giữa các khu vực, mặt bằng giá chủ yếu dao động quanh 17,7 tệ/kg, tương đương 64.000 đồng/kg.

- Tại sản Đại Liên, giá heo các kỳ hạn đồng loạt tăng 2% trong phiên giao dịch đầu tuần, lên quanh 14,4-15,4 tệ/kg, tương đương 52-56.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc** Việt Nam, lực bán của các công ty trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này tốt hơn nhưng chủ yếu cho khu vực nuôi gột còn bán lẻ vẫn khá chậm do heo dịch ra thị trường vẫn còn. Giá heo tại miền Bắc hôm nay giao dịch phổ biến quanh mức 46-49.000 đồng/kg.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, giá heo không có nhiều biến động vào cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh 46-50.000 đồng/kg, cá biệt có giá 51.000 đồng/kg cho heo đẹp.

- Nguồn cung heo biểu to của miền Nam không còn nhiều nên mức giá heo to loại ra từ đi thành phố không có nhiều hấp dẫn so với giá bán nguyên chuồng, khiến lực hút đóng ra Bắc không mạnh.

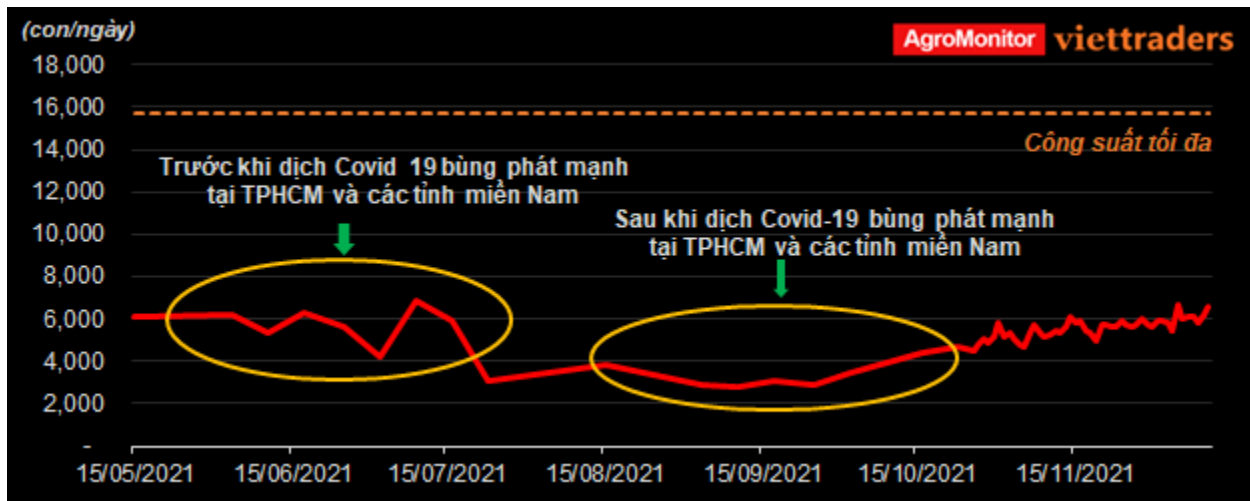
Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 3.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Nam. Chợ bán trung bình với giá heo đầu 50-51.000 đồng/kg, phổ biến 47.000 đồng/kg. Thứ 7 tuần trước khi chợ Ngọc Lũ bán trôi hàng, các thương lái quanh chợ bắt đầu đóng heo miền Nam ra trở lại với giá heo biểu to loại ra từ thành phố quanh 44.500-45.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do chợ đầu tuần này bán không trôi, lượng hàng chân còn nhiều trong bối cảnh heo dân quanh chợ vẫn đang bán nên lực đóng từ miền Nam ra có thể sẽ chậm lại.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.700 con, nhập chợ đạt hơn 3.600 con. Chợ bán được giá vào đầu và giữa phiên nhưng rút còn 48.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 55.500-59.000 đồng/kg.

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 11/12/2021 (con/ngày) 10:18 11/12

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 11/12/2021 (con/ngày)

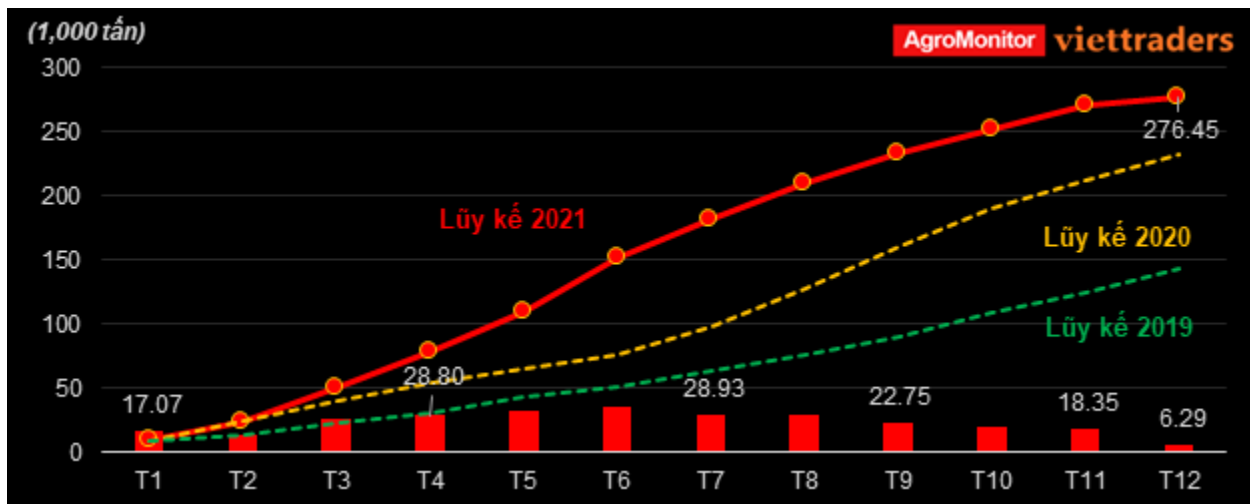


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 8/12/2021 (nghìn tấn)
13:13 11/12

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 08/12/2021

(xem chi tiết tại đây)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá heo hơi và heo con ngày 13/12/2021 06:12 13/12

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi			
Heo công ty-Miền Bắc	48,000-52,000	48,000-52,000	48,000-52,000
Heo dân	Thái Bình	47,000-49,000	46,000-51,000
	Bắc Giang	47,000-49,000	47,000-50,000

	Hà Nội	47,000-49,000	47,000-49,000	47,000-50,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		90,000-95,000	100,000-105,000	100,000-105,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,000,000-1,200,000	1,000,000-1,200,000	1,000,000-1,200,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty- Miền Trung		49,000-51,500	49,000-51,500	48.000-51.500
Heo dân	Nghệ An	46,000-49,000	46,000-49,000	46.000-49.000
	Bình Định	49,000-53,000	47,000-51,000	45.000-50.000
	Đắc Lắc	47,000-50,000	47,000-50,000	44.000-50.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	49,000-52,000	49,000-52,000	46.500-52.000
	Miền Tây	49,000-52,000	49,000-52,000	46.500-52.000
Heo dân	Đồng Nai	48,000-52,000	48,000-50,000	45.000-50.000
	Tiền Giang	47,000-48,000	47,000-48,000	46.000-48.000
	Bến Tre	46,000-49,000	46,000-49,000	44.000-49.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 13/12/2021 11:16 13/12

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	33.000-36.000	29.000-31.500	26.500-29.500
	Miền Nam	30.000-35.000	30.000-35.000	28.000-35.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	33.000-35.000	27.500-28.000	26.500-28.000
	Vĩnh Phúc	34.000-35.500	28.000-29.000	27.000-29.000
	Hà Nội	34.000-35.500	28.000-29.000	27.000-29.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	30.000-32.000	30.000-32.000	25.000-32.000
	Bình Phước	30.000-32.000	30.000-32.000	25.000-32.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	47.000	47.000	45.000-47.000
Gà ta lai CP – miền Trung	42.000-46.000	42.000-46.000	41.000-45.000
Gà ta lai CP – miền Nam	45.000	45.000	45.000-47.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-48.000	45.000-48.000	44.000-45.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	43.000-45.000	43.000-45.000	43.000-45.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	32.000-35.000	27.000-30.000	27.000-32.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	36.000-38.000	36.000-38.000	36.000-38.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	36.000-37.000	36.000-37.000	37.000-39.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 13/12/2021 08:36 13/12

Giá heo Trung Quốc tiếp tục giảm thêm trong ngày đầu tuần.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	17,82	▼0,22	▼1,86	▼0,68	▼16,01	64.400
Quảng Tây		17,56	▲0,16	▼1,64	▼0,06	▼15,40	63.500
Vân Nam		16,03	▼0,33	▼1,66	▼1,04	▼16,72	58.000
Phúc Kiến		18,04	▼0,57	▼1,03	▲0,09	▼15,75	65.200
Tứ Xuyên		17,06	▼0,75	▼1,73	▼2,04	▼17,99	61.700
Liêu Ninh		15,37	▼0,60	▼1,65	▼0,84	▼16,89	55.600
Hà Bắc		16,13	▼0,59	▼1,57	▼0,89	▼16,29	58.300
Sơn Đông		16,55	▼0,10	▼1,46	▼0,63	▼16,17	59.800
Bình quân			16,57	▼0,54	▼1,67	▼0,95	▼16,52
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	▼12,50	46.900
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼3,00	49.400
Miền Trung		80,00	—0,00	▲1,00	▲2,00	▲16,00	55.600
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲2,00	52.900
Miền Tây		83,00	—0,00	—0,00	▲2,00	▲15,00	57.700
Miền Nam		82,00	—0,00	—0,00	▼2,00	▲14,00	57.000
Bình quân			76,58	—0,00	▲0,17	▲0,33	▲5,25
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.030	—0,00	▼192	▼454	-	56.800
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	58.181	▲676	▼810	▼583	▲10.384	93.100

Thị trường Gia súc thế giới ngày 13/12/2021

08:41 13/12/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 13/12/2021

Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân đạt 16,57 tệ/kg (▼0,54 tệ/kg); - Tại tỉnh Quảng Tây, giá heo đạt 17,56 tệ/kg (▲0,16 tệ/kg); - Giá heo giống giữ ổn định so với hôm qua tại mức 23,84 tệ/kg, tương đương quy đổi trên 600.000 đồng/con 7kg. 	<p>▶ <u>Sản xuất – Tiêu thu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh số bán heo sống của 4 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất Trung Quốc trong tháng 11 đều giảm mạnh so với tháng 10.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá phổ biến tuần này vẫn dao động quanh mức 80-84 Baht/kg; - Giá heo giống tạm thời không điều chỉnh tăng thêm; <p>▶ <u>Thương mại heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh xuất khẩu heo sống có chiều hướng giảm thêm. 	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục bốc hơi trên 0,5 tệ/kg, xuống còn quanh 16,6 tệ/kg, tương đương gần 60.000 đồng/kg, giảm trên dưới 50% so với đầu năm 2021 lẫn cùng kỳ năm 2020 do chịu áp lực từ nguồn cung tăng mạnh khi các công ty tăng lượng xuất bán trong tháng cuối năm. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo hôm nay biến động trái chiều giữa các khu vực, mặt bằng giá chủ yếu dao động quanh 17,7 tệ/kg, tương đương 64.000 đồng/kg.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo Trung Quốc tiếp tục giảm thêm trong ngày đầu tuần.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại Trung Quốc, Thái Lan và một số nước châu Á khác

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							
Quảng Đông	CNY/kg	17,82	▼0,22	▼1,86	▼0,68	▼16,01	64.400
Quảng Tây		17,56	▲0,16	▼1,64	▼0,06	▼15,40	63.500

Vân Nam		16,03	▼0,33	▼1,66	▼1,04	▼16,72	58.000
Phúc Kiến		18,04	▼0,57	▼1,03	▲0,09	▼15,75	65.200
Tứ Xuyên		17,06	▼0,75	▼1,73	▼2,04	▼17,99	61.700
Liêu Ninh		15,37	▼0,60	▼1,65	▼0,84	▼16,89	55.600
Hà Bắc		16,13	▼0,59	▼1,57	▼0,89	▼16,29	58.300
Sơn Đông		16,55	▼0,10	▼1,46	▼0,63	▼16,17	59.800
Bình quân		16,57	▼0,54	▼1,67	▼0,95	▼16,52	59.900
Thái Lan							
Miền Bắc	Baht/kg	67,50	—0,00	—0,00	—0,00	▼12,50	46.900
Vùng Đông Bắc		71,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼3,00	49.400
Miền Trung		80,00	—0,00	▲1,00	▲2,00	▲16,00	55.600
Miền Đông		76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▲2,00	52.900
Miền Tây		83,00	—0,00	—0,00	▲2,00	▲15,00	57.700
Miền Nam		82,00	—0,00	—0,00	▼2,00	▲14,00	57.000
Bình quân		76,58	—0,00	▲0,17	▲0,33	▲5,25	53.300
Campuchia							
Bình quân	KHR/kg	10.030	—0,00	▼192	▼454	-	56.800
Indonesia							
Bình quân	IDR/kg	58.181	▲676	▼810	▼583	▲10.384	93.100

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 13/12/2020 – 13/12/2021 (VND/kg)



Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 12/12/2020 – 12/12/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Giá heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên có xu hướng giảm thêm trong tuần trước.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	06/12	07/12	08/12	09/12	10/12	Bình quân tuần		
						Tệ/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 1/2022	15,31	15,12	14,71	14,78	14,78	14,94	▼1,06	54.100
Tháng 3/2022	14,04	14,05	13,85	14,02	14,13	14,01	▼0,23	50.700
Tháng 5/2022	15,11	15,09	14,96	15,07	15,13	15,07	▼0,16	54.500
Tháng 7/2022	16,03	16,03	15,93	15,96	16,03	15,99	▼0,14	57.900
Tháng 9/2022	16,86	16,82	16,67	16,64	16,68	16,73	▼0,26	60.500
Tháng 11/2022	17,00	16,99	16,90	16,91	16,90	16,94	▼0,37	61.300

Giá heo giống Trung Quốc tăng chậm hơn do ảnh hưởng từ sự đi xuống của giá heo hơi.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo giống tại Trung Quốc và Thái Lan

Khu vực	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/con
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc							

Vùng Đông Bắc	CNY/kg	21,70	—0,00	▲0,45	▲5,78	▼81,00	78.500
Miền Bắc		22,52	—0,00	▲0,61	▲5,44	▼83,90	81.400
Miền Đông		24,98	—0,00	▲0,32	▲4,82	▼84,09	90.300
Miền Trung		24,75	—0,00	▲0,59	▲4,29	▼87,21	89.500
Miền Nam		25,64	—0,00	▲0,63	▲4,75	▼87,39	92.700
Vùng Tây Nam		25,26	—0,00	▲0,72	▲4,23	▼84,91	91.300
Vùng Tây Bắc		20,92	—0,00	▲0,62	▲4,34	▼85,27	75.600
Bình quân		23,84	—0,00	▲0,55	▲4,81	▼84,57	86.200
Thái Lan							
CP – 6kg	Baht/con	2.200	—0,00	—0,00	▲100	▲200	1.530.000
CP – 16kg		2.500 (+/- 80)	—0,00	—0,00	▲100	▲200	1.739.000
CP – 25kg		2.600 (+/- 80)	—0,00	—0,00	▲100	▲200	1.808.000
Trại dân – 12kg		2.400	—0,00	—0,00	▲100	▲200	1.669.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
25/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Đức ghi nhận thêm 1 trường hợp heo rừng nhiễm dịch tả châu Phi và chết; - Malaysia cho biết 6 ổ dịch tại đàn heo trong nước khiến 95 con bị chết và 149 con bị tiêu hủy.
26/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> - 6 khu vực tại Romania ghi nhận sự bùng phát của dịch tả heo châu Phi khiến 26 con heo rừng nhiễm bệnh và chết, 182 con heo nhà mắc bệnh và 26 con trong số đó đã bị chết, số còn lại đã được đem đi tiêu hủy; - Nga cho biết về 4 ổ dịch khiến 1 con heo rừng và 14 con heo nhà bị nhiễm bệnh; - Đức tiếp tục thông báo 10 ổ dịch tả châu Phi với heo rừng khiến 110 con bị nhiễm bệnh và chết cùng với 10 con đã bị tiêu hủy.
30/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> - 29 con heo rừng từ 21 ổ dịch đã bị chết vì nhiễm dịch tả châu Phi tại Latvia; - Ukraine đã thông báo về một ổ dịch tả heo châu Phi ghi nhận trong nước khiến 1 con bị chết và 28 con bị tiêu hủy.

Sản xuất – Tiêu thụ

► **Tại Trung Quốc**

Doanh số bán heo sống của 4 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất Trung Quốc trong tháng 11 đều giảm mạnh so với tháng trước đó.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 10	Tháng 11	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					11T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	5.258,0	3.874,0	▼26%	35.239,0	40.000,0	88%
2	Zhenbang Tech	1.282,3	1.003,8	▼22%	14.121,4	20.000,0	71%
3	New Hope	1.190,9	904,3	▼24%	8.906,5	9.000,0	99%
4	Wen's	1.819,6	1.195,6	▼34%	11.990,4	12.000,0	99%
5	Cofco	261,0	268,0	▲3%	3.130,0	-	-
6	Dabeinong	451,5	454,1	▲1%	3.854,3	5.000,0	77%
7	Aonong Bio	367,1	410,6	▲12%	2.829,1	4.000,0	71%
8	Tianbang	536,4	566,3	▲6%	3.910,4	7.000,0	56%
9	Tiankang Bio	115,3	122,6	▲6%	1.456,0	2.000,0	73%
10	Tang Ren Shen	171,9	93,6	▼46%	1.417,1	2.000,0	71%
11	Jin Xinnong	126,1		-	-	1.200,0	-
12	Longda Meat	29,2		-	-	-	-
13	Luo Niu Shan	42,6		-	-	-	-
14	Dawnrays	39,7	36,9	▼7%	327,7	360,0	91%
15	Zhenhong Tech	37,6	39,2	▲4%	220,9	-	-
Tổng		11.724,7	-	-	-	-	-

Thương mại

► **Tại Thái Lan**

Kênh xuất khẩu heo sống của Thái Lan tiếp tục có xu hướng thắt chặt hơn khi lượng xuất khẩu ghi nhận chậm hơn so với tuần trước đó với chỉ 200 con/ngày sang Campuchia do chênh lệch giá heo Thái Lan so với các nước trong khu vực chưa có nhiều hấp dẫn.

Bảng 8. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 04/12	Tuần kết thúc 11/12	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	300	200	▼100	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 7. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần 1/12/2021 (tê/kg)

Loại giá	tê/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<i>Thức ăn chăn nuôi</i>					
Ngô	2,91	—0,0	▲12,8%	10,500	- Giá ngô trung bình tại ba tỉnh Đông Bắc tại các <i>khuvực sản xuất</i> chính là 2,60 tê/kg, tăng 0,4% so với tuần trước, - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, <i>khuvực bán hàng chính</i> , là 3,05 tê / kg, giảm 0,3% so với tuần trước,
Khô đậu tương	3,76	▼0,5%	▲8,4%	13,600	- Giảm trong 8 tuần liên tiếp
Cám heo	3,64	—0,0	▲8,3%	13,200	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng
<i>Sản phẩm chăn nuôi</i>					
Thịt heo	28,91	▲1,0%	▼36,9%	104,500	- Tăng trong 7 tuần liên tiếp,
Thịt bò	86,97	▲0,1%	▲1,4%	314,300	- Tăng trong 7 tuần liên tiếp; - Mức giá cao nhất trong 35 tuần; - Giá thịt bò trung bình tại các tỉnh <i>sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 78,86 tê/kg, tăng 0,2% so với tuần trước,
Thịt cừu	84,31	▲0,2%	▲3,0%	304,700	- Tăng trong 7 tuần liên tiếp; - Mức giá cao nhất trong 25 tuần;

					- Giá thịt cừu trung bình tại các tỉnh <i>sản xuất chính</i> như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 79,36 tệ / kg, tăng 0,2% so với tuần trước,
Thịt gà	19,84	▲0,2%	▲2,4%	71,700	- Tăng trong 7 tuần liên tiếp; - Mức giá cao nhất trong 35 tuần,
Sữa bò	4,31	▼0,2%	▲6,2%	15,600	- Giá trung bình tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc,
Trứng gà	11,41	▼0,1%	▲24,7%	41,200	- Giảm trong 3 tuần liên tiếp,

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

Bảng 8. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 13/12/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,717	—0,00	AUD/VND*	16.699	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,178	—0,00	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,786	—0,00	CAD/VND*	18.369	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,157	—0,00	CNY/VND	3.615	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	0,131	—0,00	EUR/VND*	26.704	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,327	—0,00	GBP/VND*	30.843	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,66	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	695	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	23.100	—0,00

Thị trường Gia súc nội địa ngày 13/12/2021

15:32 13/12/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 13/12/2021

THỊ TRƯỜNG HEO		
Giao dịch heo hơi nội địa		
<i>Miền Bắc</i>	Lực bán của các công ty trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này tốt hơn nhưng chủ yếu cho khu vực nuôi gột còn bán lẻ vẫn khá chậm do heo dịch ra thị trường vẫn còn. Giá heo tại miền	Lưu chuyển heo Bắc-Trung Nam: - Thứ 7 tuần trước khi chợ Ngọc Lũ bán trôi hàng, các thương lái quanh chợ bắt đầu

	Bắc hôm nay giao dịch phổ biến quanh mức 46.000-49.000 đồng/kg.	đóng heo miền Nam ra trở lại với giá heo biểu to loại ra từ thành phố quanh 44.500-45.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do chợ đầu tuần này bán không trôi, lượng hàng chân còn nhiều trong bối cảnh heo dân quanh chợ vẫn đang bán nên lực đóng từ miền Nam ra có thể sẽ chậm lại.
<u>Miền Trung & miền Nam</u>	Giá heo không có nhiều biến động vào cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh 46.000-50.000 đồng/kg, cá biệt có giá 51.000 đồng/kg cho heo đẹp.	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ		
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<i>Chợ Ngọc Lũ:</i>	
	- Lượng heo về chợ đạt hơn 3.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Nam. Chợ bán trung bình, với giá heo đầu 50.000-51.000 đồng/kg, phổ biến 47.000 đồng/kg.	
	<i>Lò Vạn Phúc:</i> Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): 55.000-59.000 đồng/kg	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ -HCM</u>	<i>Chợ Tân Xuân:</i>	
	Lượng heo nhập lò đạt hơn 4.700 con, nhập chợ đạt hơn 3.600 con. Chợ bán được giá vào đầu và giữa phiên nhưng rút còn 48.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 55.500-59.000 đồng/kg.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, lực bán của các công ty trong 2 ngày cuối tuần trước và đầu tuần này tốt hơn nhưng chủ yếu cho khu vực nuôi gột còn bán lẻ vẫn khá chậm do heo dịch ra thị trường vẫn còn. Giá heo tại miền Bắc hôm nay giao dịch phổ biến quanh mức 46-49.000 đồng/kg.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		48,000-52,000	48,000-52,000	48,000-52,000
Heo dân	Thái Bình	47,000-49,000	47,000-50,000	46,000-51,000
	Bắc Giang	47,000-49,000	47,000-49,000	47,000-50,000
	Hà Nội	47,000-49,000	47,000-49,000	47,000-50,000

Heo giống			
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	90,000-95,000	100,000-105,000	100,000-105,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,000,000-1,200,000	1,000,000-1,200,000	1,000,000-1,200,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại miền Trung và miền Nam, giá heo không có nhiều biến động vào cuối tuần trước và đầu tuần này, dao động quanh 46-50.000 đồng/kg, cá biệt có giá 51.000 đồng/kg cho heo đẹp.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		49,000-51,500	49,000-51,500	48,000-51,500
Heo dân	Nghệ An	46,000-49,000	46,000-49,000	46,000-49,000
	Bình Định	49,000-53,000	47,000-51,000	45,000-50,000
	Đắc Lắc	47,000-50,000	47,000-50,000	44,000-50,000

3. Miền Nam

- Nguồn cung heo biểu to của miền Nam không còn nhiều nên mức giá heo to loại ra từ đi thành phố không có nhiều hấp dẫn so với giá bán nguyên chuồng, khiến lực hút đóng ra Bắc không mạnh.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	49,000-52,000	49,000-52,000	46,500-52,000
	Miền Tây	49,000-52,000	49,000-52,000	46,500-52,000
Heo dân	Đồng Nai	48,000-52,000	48,000-50,000	45,000-50,000
	Tiền Giang	47,000-48,000	47,000-48,000	46,000-48,000
	Bến Tre	46,000-49,000	46,000-49,000	44,000-49,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 3.000 con, trong đó có 6-7 xe heo miền Nam. Chợ bán trung bình với giá heo đầu 50-51.000 đồng/kg, phổ biến 47.000 đồng/kg. Thứ 7 tuần trước khi chợ Ngọc Lũ bán trôi hàng, các thương lái quanh chợ bắt đầu đóng heo miền Nam ra trở lại với giá heo biểu to loại ra từ thành phố quanh 44.500-45.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do chợ đầu tuần này bán không trôi, lượng hàng chân còn nhiều trong bối cảnh heo dân quanh chợ vẫn đang bán nên lực đóng từ miền Nam ra có thể sẽ chậm lại.

- **Tại chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt hơn 4.700 con, nhập chợ đạt hơn 3.600 con. Chợ bán được giá vào đầu và giữa phiên nhưng rút còn 48.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, kéo giá bình bông đạt quanh 55.500-59.000 đồng/kg.

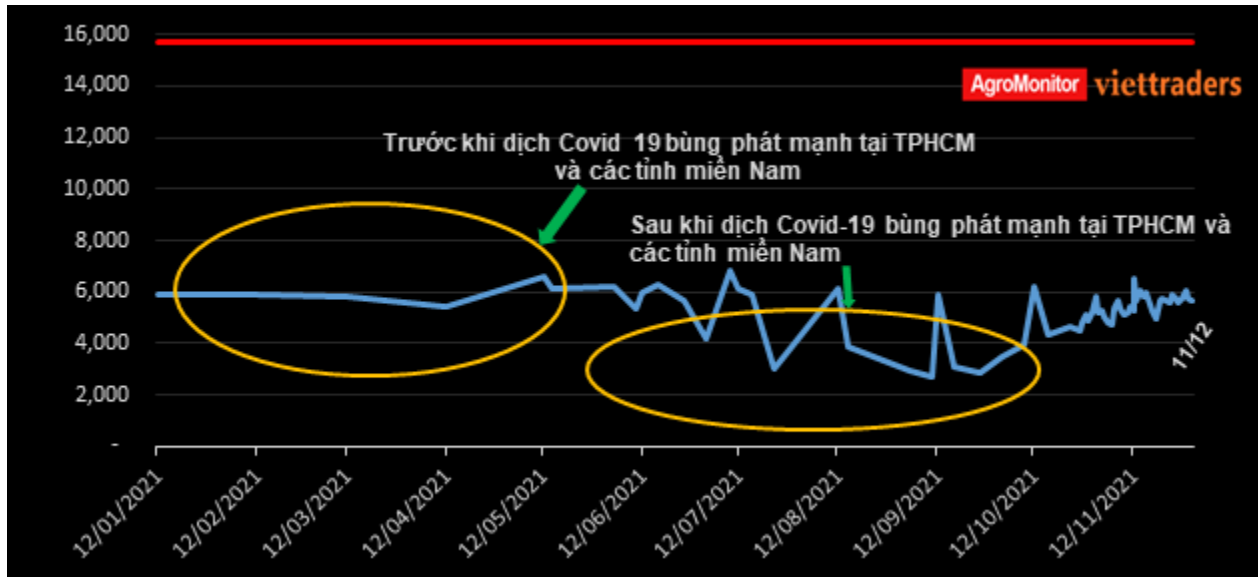
Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mỗi (con; đồng/kg)

Khu vực	Chợ đầu mỗi		13/12/2021	10/12/2021
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	>3,000	<3,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	47,000-51,000	46,000-50,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	3,670	3,384
		Giá giao dịch (đồng/kg)	48,000-67,000	50,000-65,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	65,500-67,000	65,500-67,000
		CP - miền Nam	61,000	61,000
		CJ - miền Nam	60,000	60,000
		Emivest - miền Nam	60,500	60,500
Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	55,000-59,000	55,000-59,000	
		Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội
Lộc An - TPHCM	25,000	25,000		

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 11/12/2021) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Ghi chú: Đường màu đỏ biểu thị công suất tổng các lò mổ, Đường màu xanh biểu thị lượng giết mổ thực tế theo ngày.

III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi và tai xanh vẫn đang lai rai nổ tại nhiều vùng, heo bán chạy dịch ra thị trường vẫn còn.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi kết hợp dịch Tai xanh vẫn lai rai nổ tại cả khu vực Bắc miền Trung và Nam miền Trung. Riêng tại Tây Nguyên, thời tiết mưa nhỏ kéo dài cùng với không khí lạnh hơn khiến dịch bệnh trên heo khó kiểm soát, vẫn có xu hướng tái bùng phát tại các địa phương.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi và tai xanh vẫn còn lai rai nổ tại miền Nam, đặc biệt các tỉnh tập trung đàn heo lớn như Đồng Nai, Bình Dương. Ngoài ra, tại nhiều tỉnh khu vực miền Tây như Bến Tre, Tiền Giang cũng vẫn có nhiều trại bị dịch.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	13/12/2021	10/12/2021
------------	------------	------------

Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừ – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	13/12/2021	10/12/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừ – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 13/12/2021

13:59 13/12/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 13/12/2021

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 33.000-36.000 đồng/kg Lượng gà xuất chuồng hiện thiếu hụt, thấp hơn cầu tiêu thụ hỗ trợ giá gà trắng ngoài Bắc có thể sẽ tăng tiếp trong ngắn hạn tới.
	Tại miền Nam: 30.000-35.000 đồng/kg Nguồn cung trong dân không nhiều, cộng với lượng gà xuất chuồng từ công ty ở mức vừa phải giữ giá duy trì ổn định quanh mức thiết lập từ tuần trước
<u>Lò giết mổ An Nhơn</u>	Lượng gia cầm bình quân giết mổ trong tuần thứ 2 của tháng 12 đạt khoảng 59.100 con/ngày, tăng nhẹ gần 10% so với tuần trước đó.
<u>Gà trắng giống</u>	Tại miền Bắc: 8.000-9.500 đồng/con Nhiều trại tư nhân đủ điều kiện ký hợp đồng với các công ty lớn chuyển quy mô sang trại gia công tránh rủi ro thua lỗ.
	Tại miền Nam: 8.500-10.000 đồng/con

	Nhu cầu vào đàn mới trong dân tốt hơn nhằm xuất chuồng dịp cận Tết Nguyên đán.
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 32.000-35.000 đồng/kg Tại miền Nam: 36.000-38.000 đồng/kg Nguồn cung vịt thịt tại miền Bắc giảm sâu đẩy giá đảo chiều tăng lại.
<u>Giao dịch chợ Hà Vỹ</u>	Lượng gà trắng về chợ: 3.000 con/ngày Giá gà trắng nhập về chợ: 38.000 đồng/kg Giá gà trắng bán ra tại chợ: 37.000-40.000 đồng/kg Tiêu thụ gà trắng tại chợ rất yếu khi giá gà giữ nhịp tăng liên tục từ giữa tuần trước.

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- **Tại miền Bắc**, giá công ty lẫn trại dân đồng loạt tăng tốt vào cuối tuần trước và đầu tuần này, lên phổ biến 33-35.500 đồng/kg, đầu giá chạm ngưỡng 36.000 đồng/kg áp dụng cho biểu trên 4 kg/con. Diễn biến giá gà trắng tại miền Bắc trong suốt giai đoạn tháng 7, tháng 8 và tháng 9 thua lỗ kéo dài khiến nhiều trại tư nhân treo chuồng hoặc thu hẹp quy mô. Theo đó, lượng gà xuất chuồng hiện thiếu hụt, thấp hơn cầu tiêu thụ hỗ trợ giá gà trắng ngoài Bắc có thể sẽ tăng tiếp trong ngắn hạn tới.

- **Tại miền Nam**, giá gà trắng không có biến động mới vào hôm nay, giao dịch tại trại dân phổ biến 30-33.000 đồng/kg, trong khi đó, giá một số công ty lớn chào bán chạm ngưỡng 35-36.000 đồng/kg. Nguồn cung trong dân không nhiều, cộng với lượng gà xuất chuồng từ công ty ở mức vừa phải hỗ trợ giá duy trì ổn định quanh mức thiết lập từ tuần trước.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	33.000-36.000	29.000-31.500	26.500-29.500
	Miền Nam	30.000-35.000	30.000-35.000	28.000-35.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	33.000-35.000	27.500-28.000	26.500-28.000
	Vĩnh Phúc	34.000-35.500	28.000-29.000	27.000-29.000
	Hà Nội	34.000-35.500	28.000-29.000	27.000-29.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	30.000-32.000	30.000-32.000	25.000-32.000

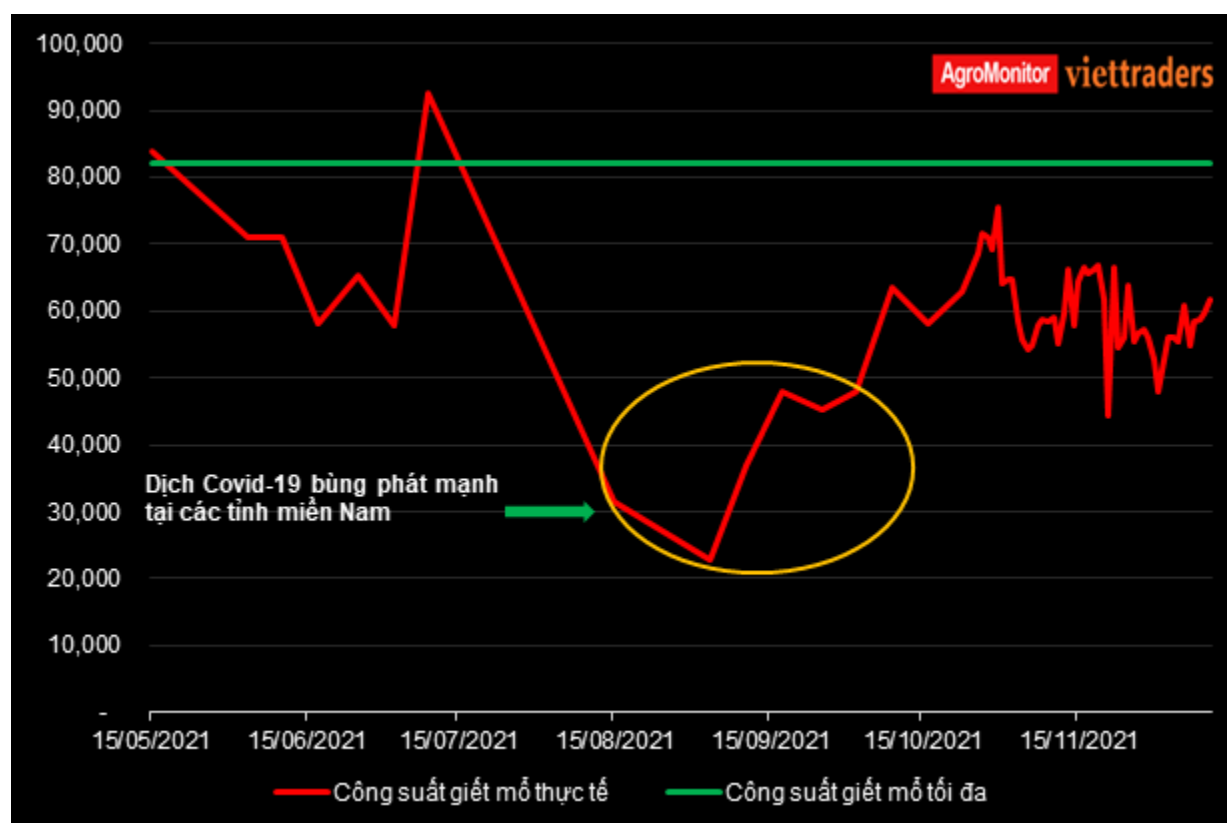
	Bình Phước	30.000-32.000	30.000-32.000	25.000-32.000
--	------------	---------------	---------------	---------------

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân giết mổ trong tuần thứ 2 của tháng 12 đạt khoảng 59.100 con/ngày, tăng nhẹ gần 10% so với tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 2 tháng 12/2021 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	06/12	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	60,950	54,828	58,540	58,740	59,770	61,740

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Diễn biến gà trắng giống

- **Tại miền Bắc**, giá gà trắng giống giao ngay chững lại quanh mức 8-9.500 đồng/con, nguồn cung giống không nhiều nhưng do lực vào đàn có phần chậm lại khiến giá chưa có điều chỉnh tăng thêm. Nhiều trại tư nhân đủ điều kiện ký hợp đồng với các công ty lớn chuyển quy mô sang trại gia công tránh rủi ro thua lỗ, giá giống kỳ 12-12.500 đồng/con, giá bán bình ổn mức 30.000 đồng/kg (biểu 2.8-3 kg/con).

- **Tại miền Nam**, giá giống ăn cám công ty cũng ổn định quanh mức 8.5-9.000 đồng/con, nhu cầu vào đàn mới trong dân tốt hơn nhằm xuất chuồng dịp cận Tết Nguyên đán.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	13/12/2021	10/12/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	9.000-9.500	9.000-9.500
	Ăn cám công ty	8.000-8.500	8.000-8.500
DOC-miền Nam	Bán ngoài	9.000-10.000	9.000-10.000
	Ăn cám công ty	8.500-9.000	8.500-9.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	13/12/2021	10/12/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2100	1900
	Mix04(>=20.3kg)	2000	1800
	Mix05(>=19.3kg)	1950	1750
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1750	1700
	Loại 22.5kg	1650	1600
	Loại 21.5kg	1550	1500
	Loại 20.5kg	1500	1450
	Loại 19.5kg	1450	1400

Gà màu

- Với gà talai CP, giá tại cả 3 miền Bắc-Trung-Nam chưa có điều chỉnh mới trong tuần này, giá bán tại cửa chuồng lần lượt đạt 47.000 đồng/kg, 42-46.000 đồng/kg và 45.000 đồng/kg. Lực bán gà talai CP tại các chợ đầu mỗi chậm hơn so với các công ty khác nhưng do nguồn cung gà màu tại nhiều tỉnh thành lớn vẫn hơn giữ giá gà talai ổn định ở mức hòa vốn hoặc có chút lời.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	47.000	47.000	45.000-47.000
Gà ta lai CP – miền Trung	42.000-46.000	42.000-46.000	41.000-45.000
Gà ta lai CP – miền Nam	45.000	45.000	45.000-47.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-53.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-48.000	45.000-48.000	44.000-45.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam	43.000-45.000	43.000-45.000	43.000-45.000

(gà nuôi trên 4 tháng)			
------------------------	--	--	--

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	13/12/2021	10/12/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	7.000	7.000
DOC- Lai mía	7.000	7.000
DOC- Lai Hồ	7.000	7.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	13/12/2021	10/12/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt bơ đảo chiều tăng tốt lại từ cuối tuần trước, lên phổ biến 32-35.000 đồng/kg do nguồn cung vịt giảm sâu.

- Tại miền Nam, giá vịt thịt chững lại quanh mức 36-38.000 đồng/kg, tiêu thụ vịt âm đạm.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	13/12/2021	10/12/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	32.000-35.000	27.000-30.000	27.000-32.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	36.000-38.000	36.000-38.000	36.000-38.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	36.000-37.000	36.000-37.000	37.000-39.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	13/12/2021	10/12/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	7.000-10.000	7.000-10.000
	DOC- Vịt Grimaud	7.000-10.000	7.000-10.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	4.000	4.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	12.000-13.000	12.000-13.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, do giá gà trắng tại trại nhóng tăng mạnh trong 3 ngày trở lại đây nên giá gà nhập về chợ (mua xô) được tiếp tục đẩy tăng lên ở ngưỡng cao, phổ biến mức 38.000 đồng/kg. Tiêu thụ gà trắng tại chợ rất yếu khi giá gà liên tục tăng mạnh, theo đó các tiểu thương chấp nhận bán gà mái ở mức 37.000 đồng/kg nhằm cải thiện lượng bán, giá gà trống bán ra được khoảng 40.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	13/12/2021	10/12/2021
Gà trắng	Mua vào	38.000	34.000-35.000
	Bán ra	37.000-40.000	33.000-38.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	53.000	53.000
	Bán ra	56.000-57.000	56.000-57.000
Gà Japfa (Miền Trung đóng ra)	Mua vào	53.000-55.000	53.000-55.000
	Bán ra	58.000-59.000	58.000-59.000